TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-PT
Ngày: 31-5-2022
V/v "Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản và mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TLPT- DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp: "Hợp đồng Dân sự Vay tài sản và mua bán tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2022/QĐ-PT ngày 29/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2022/QĐ-PT ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Văn V, sinh năm: 1957, bà Đoàn Thị Kim T, sinh năm: 1971; cùng trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Huy Kh, sinh năm: 1994; cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H – Nguyên đơn; vợ chồng ông Trần Văn V, bà Đoàn Thị Kim T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2021 của Bà Nguyễn Thị H, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Bùi Ngọc Ch, người đại diện theo ủy quyền của bà H, thì: Do quen biết nên bà H có cho vợ chồng ông V, bà T vay tiền và bán các loại phân, thuộc bảo vệ thực vật nhiều lần, cụ thể:

+ Lần 1: ngày 01/7/2019 cho vay 172.257.000đ, tiền lãi tính đến tháng 6/2021 là 172.257.000 x 1,66% x 23 tháng = 65.767.000đ.

Tháng 12/2018 cho vay 45.900.000đ, tiền lãi tính đến tháng 6/2021 là 45.900.000đ x 1,66% x 30 tháng = 22.820.000đ.

Lần 2: bà T lấy 233 gói thuốc trừ sâu với tổng số tiền 4.140.000đ.

Lần 3: ngày 10/4/2019 lấy phân, trị giá 12.200.000đ.

Lần 4: ngày 11/5/2019 vay 5.000.000đ, tiền lãi tính đến tháng 6/2021 là 5.000.000đ x 1,66% x 21 tháng = 1.743.000đ.

Lần 5: ngày 15/6/2019 lấy cà phê và thuốc sâu là 18.100.000đ.

Lần 6: ngày 24/6/2019 được sự đồng ý của vợ chồng ông V, bà T, con trai là Trần Huy Kh có đến lấy 3.000.000đ, tiền lãi tính đến tháng 6/2021 là 3.000.000đ x 1,66% x 24 tháng = 1.195.000đ.

Lần 7: ngày 25/9/2019 lấy 1.500kg phân x 12.000đ/kg thành tiền là 18.000.000đ.

Lần 8: ngày 18/11/2019 được sự đồng ý của vợ chồng ông V, bà T thì anh Khương có đến lấy 400kg cà phê nhân x 35.500đ/kg = 14.200.000đ.

Khi vay hai bên có ký nhận vào sổ theo dõi mà bà H đã xuất trình cho Tòa án. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông V, bà T không trả nợ. Nay nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông V, bà T phải trả cho bà H số tiền 380.182.000đ.

- Quá trình làm việc tại giai đoạn sơ thẩm; vợ chồng vợ chồng ông Trần Văn V, bà Đoàn Thị Kim T xác định có các khoản nợ nguyên đơn các khoản sau:

+ Lần 1: ngày 01/07/2019 vay số tiền 172.257.000đ, bà T thừa nhận có ký xác nhận số nợ này. Ông V cho rằng số tiền vay nói trên là tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu...;

+ Lần 2: vào tháng 12/2018 ông M chuyển qua là 45.900.000đ, bà T thừa nhận có ký xác nhận số nợ này;

+ Lần 3: bà T có mua 233 gói thuốc trừ sâu của bà H với tổng số tiền 4.140.000đ, bà T thừa nhận có ký xác nhận số nợ này;

+ Lần 4: ngày 10/04/2019 bà T có mua phân của bà H với số tiền 12.200.000đ, bà T thừa nhận có ký xác nhận số nợ này;

+ Lần 5: ngày 11/5/2019 bà T vay của bà H 5.000.000, bà T thừa nhận có ký xác nhận số nợ này;

+ Lần 6: ngày 24/6/2019 vợ chồng ông, bà nhờ con trai là Trần Huy Kh đến vay của bà H số tiền 3.000.000đ, bà T thừa nhận số nợ này và thừa nhận chữ trong sổ vay là của con trai Trần Huy Kh;

+ Lần 7: ngày 25/9/2019 ông bà lấy 1.500kg phân x 12.000đ/kg thành tiền là 18.000.000đ;

+ Lần 8: ngày 18/11/2019 được sự đồng ý của vợ chồng ông V, bà T thì anh Khương có đến lấy tiền từ bà H tương ứng với 400kg cà phê nhân Robusta khô, vợ chồng ông V, bà T không nhớ rõ số tiền nhận là bao nhiêu vì thời gian đã lâu. Nếu bà H yêu cầu trả tiền theo giá cà phê tại thời điểm xét xử thì vợ chồng ông, bà đồng ý. Do đó, tổng số tiền mà vợ chồng ông, bà nợ bà H là 260.497.000đ và 400kg cà phê nhân Robusta khô.

Đối với số tiền ngày 15/6/2019 bà H cho rằng bà có mua phân bón, cà phê và thuốc trừ sâu với số tiền là 18.100.000đ thì bị đơn không thừa nhận số tiền này vì vợ chồng ông, bà không mua, không có chữ ký xác nhận vào sổ ghi nợ, nên không đồng ý trả cho bà H số tiền này.

Ngoài ra, vợ chồng ông, bà có yêu cầu phản tố buộc Bà Nguyễn Thị H phải tính toán và trả cho bà số tiền tương ứng với tổng số lượng cà phê nhân Robusta khô là 7.722,9kg, tính theo giá cà phê tại thời điểm xét xử để cấn trừ vào số tiền còn nợ bà H.

- Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Kh nhiều lần, tuy nhiên ông Kh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án số 07/2021/DS-ST ngày 29/12/2021; Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Văn V, bà Đoàn Thị Kim T phải trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 274.697.000đ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H đối với số tiền 109.625.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/01/2022 vợ chồng ông Trần Văn V, bà Đoàn Thị Kim T; ngày 02/3/2022 Bà Nguyễn Thị H kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc vợ chồng ông V, bà T trả thêm cho bà số tiền 109.625.000đ.

Vợ chồng ông V, bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc bà H trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền tương ứng với tổng số lượng cà phê nhân Roobusta là 7.722,9kg để cấn trừ số nợ đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, làm rõ các khoản tiền vay, tiền phân bón, thuốc trừ sâu và cà phê, đề nghị giảm tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho bà T.

Tại phiên tòa,

Các đương sự vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà H, không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông V, bà T, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa vợ chồng ông V, bà T và bà H nhiều lần xác lập giao dịch Dân sự vay tài sản và mua bán phân bón, hàng hóa; do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ cũng như giữa các bên không thống nhất về số tiền phải thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản và mua bán tài sản" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà H thì thấy rằng:

Bà H và bà T xác nhận có các lần vay tiền và mua bán tài sản; tổng số tiền nợ là 260.497.000đ và 400kg cà phê nhân Roobusta khô là 14.200.000đ, tổng cộng là 274.697.000đ. Quá trình giải quyết vụ án Ông V cho rằng không biết các lần vay tiền và mua cà phê nói trên, bà T thừa nhận bà có vay tiền và mua cà phê của bà H, chữ ký anh Khương là đúng nên đồng ý trả số tiền 274.697.000đ. Bà T trình bày việc vay tiền và mua phân bón là để phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, tại thời điểm thực hiện việc vay tiền và mua phân bón nói trên thì ông V, bà T vẫn là vợ chồng. Theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì Ông V cũng phải có nghĩa vụ cùng trả nợ với bà T. Do đó cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông V, bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Trong tổng số tiền 274.697.000đ vợ chồng ông V, bà T còn nợ thì bà H yêu cầu trả lãi đối với các khoản vay lần 1, 2, 5, 7 (tổng số tiền 226.157.000đ, cụ thể số tiền 172.257.000đ ngày 01/7/20196, số tiền 45.900.000đ tháng 12/2018, số tiền 5.000.000đ ngày 11/5/2019, số tiền 3.000.000đ ngày 24/6/2019) với lãi suất là

1,66%/tháng tính đến tháng 6/2021 (thời điểm bà H nộp đơn khởi kiện). Tuy nhiên, tại sổ ghi chép nợ các bên chỉ thừa nhận tổng số tiền vay và tiên mua phân bón, không thỏa thuận tiền lãi, không thỏa thuận thời gian trả. Khi có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đ, bà H chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày có đơn khởi kiện; không yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý nên không có cơ sở xem xét tiền lãi trong vụ án này. Do vậy, đối với sớ tiền lãi vừa nêu bà H được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 18.100.000đ ghi ngày 15/6/2019, bà H cho rằng vợ chồng ông V, bà T có mua 01 tấn phân bón hiệu Cò Trắng và 80 gói thuốc nên mới nợ số tiền vừa nêu, vợ chồng ông V, bà T không thừa nhận trong khi đó bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình đối với số tiền này; trong khi đó sổ ghi chép, theo dõi công nợ không thể hiện có chữ ký của vợ chồng ông V, bà T; do vậy bà H yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nói trên là không phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của vợ chồng ông V, bà T thì thấy rằng: Ngày 05/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nhận được đơn phản tố của bà T về việc yêu cầu nguyên đơn phải trả cho bà số tiền tương ứng với tổng số lượng cà phê nhân Robusta khô là 7.722,9kg, tính theo giá cà phê tại thời điểm xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo số 46/TB-TA ngày 05/10/2021 về việc thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố, ngày 09/10/2021 bà T nhận được Thông báo nói trên do Tòa án gửi đến bằng đường bưu điện nhưng bà T không nộp tiền tạm ứng án phí. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố của bà T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu phản tố nói trên; sau này bà T được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Với những nhận định trên; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Trần Văn V, bà Đoàn Thị Kim T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[5] Các phần khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí:

Lẽ ra vợ chồng ông Trần Văn V, bà Đoàn Thị Kim T phải chịu 13.734.850đ án phí Dân sự sơ thẩm. Do ông Trần Văn V, sinh năm 1957, tại thời điểm xét xử sơ thẩm đã hơn 60 tuổi, là người cao tuổi nên cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm mà Ông V phải chịu. Bà Đoàn Thị Kim T có đơn xin miễn, giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng không có sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không có căn cứ xem xét, do vậy bà T phải chịu 6.867.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.481.000đ đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bà Nguyễn Thị H và bà Đoàn Thị Kim T phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 430, 440, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Trần Văn V, bà Đoàn Thị Kim T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H về việc "*Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản và mua bán tài sản*" đối với vợ chồng ông Trần Văn V, bà Đoàn Thị Kim T về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 109.625.000đ (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Các phần khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Buộc Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.481.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 9.504.550đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004217 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đam R, tỉnh Lâm Đồng. Bà H được nhận lại 4.023.550đ.

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn V.

Buộc bà Đoàn Thị Kim T phải chịu 6.867.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006130 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam R, tỉnh Lâm Đồng. Bà H đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Bà Đoàn Thị Kim T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006105 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam R, tỉnh Lâm Đồng. Bà T đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Trần Văn V.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đam R (01);
- Chi cục THADS huyện Đam R (01)
- Đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch